

Endo Shusaku

NGƯỜI CHỜ PHÉP LẠ

Dịch: Nguyễn Nam Trân

Simon Denny

NGƯỜI CHỜ PHÉP LẠ

Endo Shusaku

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

người chờ phép lạ

Endo Shusaku

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Chim Việt càn Nam*

Trình bày: *Muôn Phương*

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

người chờ phép lạ

ENDO SHUSAKU

Dịch giả: Nguyễn Nam Trân

Chim Việt cảnh Nam
Số 92 / 21-01-2024

Mùa hè năm ấy, bệnh dịch lan tràn khắp các thôn làng ven hồ Ga-li-lê (Galilaia). Những ai mắc phải chứng này đều bị sốt cao, mồm liên tục phát ra những lời lẽ càn dở, khó hiểu và toàn thân run bầy bầy. Những viên y sĩ hành nghề ở khu vực Ti-bê-ria (Tiberiad), nơi tọa lạc ly cung của vua Hê-rốt (Herod), không còn biết cách nào để thoát trị bệnh này, đành đặt các con bệnh lên những chiếc cang có treo bùa chú trừ tà và đem đến vùng ven bờ Bắc hồ.

Họ được đưa vào trong những túp lều nhỏ dựng lên cấp tốc và xếp thành hàng bên nhau trong một vùng hoang vu đầy lau sậy để cách ly với mọi người. Mỗi ngày chỉ có một bận là thân nhân có thể chèo những con thuyền nhỏ đem thức ăn và nước uống cùng với mớ dược thảo đã không còn hiệu nghiệm đến cho con bệnh. Quyển thuộc của họ cũng chỉ dám đặt mấy món đồ đó trước cửa lều rồi bỏ về nhanh như chạy trốn. Cũng bởi vì hầu như tất cả đều tin rằng bệnh dịch này nếu có dấy lên, ắt phải do bàn tay ác quỷ.

Bệnh dịch bắt đầu từ vùng Ti-bê-ri-a và tràn qua biên giới như một lũ dị tộc đến xâm lăng. Nó đã lan ra các thôn xóm ven hồ và mấy khu vực như Ma-gu-đa-ra, Ca-pe-na-um, Bét-sa-i-đa. Khi đêm về, trên sườn núi nơi những ngôi

làng này tựa lưng vào, người ta thấy lác đác những ánh lửa màu đỏ thẫm đang di động. Đây chính là nơi dân làng đem củi thiêu thây những con bệnh mới qua đời. Giữa ánh lửa và làn khói là tiếng khóc náo ruột của những nàng con gái có thân nhân vừa chết. Nó lan đi trong gió và lọt vào tai của đám thôn dân đang đứng lặng câm như những pho tượng.

Thế nhưng, tự ngày xưa, đám dân lành khốn khổ sống ven hồ này đã quen đi với bao nỗi bất hạnh. Họ cũng biết những điều bất hạnh đó tuy hình thức có khác nhau, mỗi năm, có khi là mỗi mùa, tuy không biết từ đâu nhưng đều sẽ tới viếng. Họ cũng biết không thể nào chống trả lại chúng nên chỉ biết kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi các tai ách ấy đi qua. Ngoài những con cá bắt được dưới cái hồ nhỏ hay những đàn dê nuôi trên sườn

núi sau nhà, họ không có gì gọi là lương thực để bảo đảm cho cuộc sống.

Thế mà họ vẫn không dám mơ đến một cuộc đời không có nghèo khổ và bi thảm bám theo mình.

Vào khoảng giữa tháng mười, khi ngọn núi Hép-rôn (Hebron) ở bên kia hồ bắt đầu phủ lên một lớp tuyết trắng, họ cảm thấy bệnh dịch dường như đã đuổi sức. Đúng như điều mọi người phỏng đoán, một điều bất hạnh kế tiếp đã tìm tới. Từ dạo cuối thu, sau những trận mưa dai dẳng đổ xuống, trên mặt hồ cả ngày chỉ thấy sương mù bao phủ. Thế rồi mực nước hồ dâng cao và tràn đến tận bờ, xâm nhập vào các thửa ruộng con. Dù là khi sương đã tan, cái hồ vẫn giữ nguyên vẻ u uất như một lão già lẩm lì cái kính đang đưa mắt ngắm nghía đám dân quê

và những thôn xóm ven hồ với một cái nhìn lạnh lẽo.

Đối với Ăng-rê (Andrea), chủ nhân một vựa chà nhỏ ở Ma-gu-đa-ra, thì cuộc sống ở vùng ven hồ này vẫn chưa đến nỗi bi đát. Ông hãy còn có được một bà vợ và đứa con nhỏ, dưới tay lại thêm bốn ngư dân giúp việc. Hồi xảy ra bệnh dịch, một người trong đám đã mắc phải. Bệnh nhân vừa đổ mồ hôi vừa run bầy bầy khiến cho Ăng-rê phải đưa anh ra cách ly ở một căn lều nhỏ nằm trong vùng lau sậy bao vây ở phía Bắc bờ hồ và mỗi ngày lại đơm cơm tới nuôi. Thế nhưng vào một buổi chiều cuối mùa hạ năm ấy, khi ông cùng với một ngư dân khác tìm đến túp lều con thì thấy bệnh nhân đã theo cánh cửa lều trở về hướng Tây nơi có mặt trời dọi đến mà bỏ ra ngoài rồi nằm chết ở đó.

Cũng như bao người khác, Ăng-rê xem đó là một kết luận không ai có thể đi ngược được bởi vì ông thừa hiểu rằng thay vì cưỡng lại nỗi bất hạnh, hãy chờ cho nó qua đi, chắc còn tốt hơn nhiều. Dù vậy, giữa lúc khó khăn như thế, cũng như các anh trai chài khác, Ăng-rê đã sức nhớ đến cái tin đồn là ngày nào đó, sẽ có một nhân vật từ phương xa đến đây để đem lại niềm hy vọng to lớn cho mình và cho cả đám ngư dân sống ở ven hồ.

Thực ra đã lâu rồi, đám dân quê ven hồ Ga-li-lê từng nghe nói rằng sẽ có một người đến từ hướng Nam để cứu họ ra khỏi cảnh lâm than khổ ải. Sau khi từ miền Nam băng qua các vùng Na-za-rét (Nazareth) và Ca-na (Cana), nhất định người đó sẽ hạ sơn từ ngọn Ma-a-gan phía Đông bờ hồ. Người ta bàn tán với nhau là nếu người ấy đến, thế nào những

kẻ què quặt cũng sẽ đi đứng trở lại, các bà quả phụ sẽ được an ủi, những người nữ bị bệnh huyết rò rỉ lâu năm sẽ được chữa lành và những đứa hài nhi - dù tất thở - cuối cùng cũng sẽ hồi sinh.

Ăng-rê không hiểu vì sao lại có những lời đồn đại như vậy. Tuy nhiên, ông ta nhớ lại là hồi nhỏ, ban đêm nằm cạnh mẹ, lúc nào ông cũng được bà kể cho nghe những câu chuyện giông giống như thế. Ông cũng bao lần chứng kiến cảnh vợ mình kể cho đứa con thơ của hai người câu chuyện với nội dung tương tự. Tuy Ăng-rê biết rằng những lúc cùng quần, con người có thể tạo ra những ước mơ không thể nào tồn tại trong hiện thực nhưng lúc thấy người bạn chải bị bệnh tật cướp khỏi tay mình, ông đã nhìn lên ngọn núi trọc ở hướng Đông bờ hồ và nghĩ về câu chuyện bao lần đã được nghe.

Ánh nắng chiều nhuộm lên hòn núi trọc một màu vàng chảy giống như mảng lông chồn. Và khi ngắm cái màu hoang vắng đến lạnh lòng của hòn núi trọc ấy, Ăng-rê nhớ lại hình ảnh biết bao là nhà tiên tri (yogensha) đã vượt qua vùng Na-za-rét và Ca-na để đi xuống ven hồ...

Tất cả những nhà tiên tri khoác áo da thú trên vai, tay cầm đạo trượng, đều trải qua cuộc hành trình đầy gian khổ xuyên đồng vắng (sa mạc) xứ Giu-đê (Judea) để nguyên rửa quân đội La-mã (Roma) đang chiếm đóng đất nước này và phê phán chính quyền tiếp tay cho giặc của nhà vua Hê-rốt. Nếu thế, họ có đúng là Đấng Mê-si (Messia) mà thần thánh phái đến để quét sạch những kẻ gian manh ấy đi chăng?

Ăng-rê không hiểu những nhà tiên tri đó và Đấng Mê-si (Messia, Đấng Cứu

Thế) có phải là một hay không? Không những thế, ông còn hoài nghi là nhà tiên tri cũng như Đấng Mê-si khó lòng là cái người sẽ giáng hạ từ ngọn núi trọc kia nữa!

Cứ thế mà những thôn làng ven hồ phải chịu số phận bi thảm kinh niên khi cứ vài năm lại có một trận dịch quét ngang và mặt hồ vẫn ngập tràn một màu xám bạc từ lượng nước của những trận mưa dai dẳng đổ xuống. Thế rồi, vào những buổi chiều nắng xế, thôn dân cứ phải tiếp tục nhìn đắm đắm lên ngọn núi trọc phủ một màu vàng cháy như lông chồn và mong ngóng.

Một năm sau, lúc bệnh dịch vừa đi qua và trời vừa lập đông, Ăng-rê đã vượt ngọn núi trọc, làm một chuyến lữ hành về hướng thị trấn Bét-shan để mua ít gia súc. Đường đến Bét-shan chỉ có một

nhánh suôn đuột nằm dọc theo sông Giô-đanh (Jordan) và chạy về hướng Nam. Dòng sông lúc đầu còn chảy song song với con đường vốn cắt ngang những vùng đất canh tác đang khô cằn giữa mùa đông, thoát cái đã biến mất, rồi giữa khi tưởng là đã mất hẳn thì thấy không biết từ đoạn nào, bóng nó đã lộ ra và đang lượn khúc quanh những chân đồi.

Ăng-rê đã đi qua nhiều thôn xóm đang bị một màu xám xịt đè lên như sắp nghiền nát. Có nơi ông đã gặp những lão già ánh mắt thờ thần đang ngồi bệt bên gốc cây ô-liu khô héo, có nơi ông lại thấy cảnh lũ chó đang đào bới quanh ngôi mộ của một đứa trẻ vừa mới được đem chôn. Mục kích những cảnh tượng như vậy, Ăng-rê không khỏi nghĩ thầm nào chỉ có vùng Ga-li-lê của ông, mà mọi nơi có loài người sinh sống đều là sân khấu

của những cảnh đời bất hạnh như thế cả.

Trước khi tới được khu chợ buôn bán gia súc ồn ào náo nhiệt của thị trấn Bét-shan, ông được làm bạn đồng hành với một người đàn ông. Tuy ông ta đặt đứa con gái nhỏ của mình ngồi lên lưng một con la nhưng đứa bé lại giống như một kẻ khờ khạo, miệng không nói một câu còn thân hình cứ lắc lư theo nhịp đi của con vật. Nhìn kỹ lại mới thấy đôi mắt của đứa bé đã hỏng, trông chúng chẳng khác nào hai vỏ sò màu xám.

Người đàn ông đó đã giải thích cho Äng-rê:

– Cha con tôi không đi Bét-shan đâu mà định đến một nơi còn xa hơn nữa về hướng Tây cơ. Có thể là Ma-ha-rô hay A-fu-ra cũng không chừng! Tôi đến đó với mục đích chữa mắt cho cháu.

– Ở đó có thầy thuốc giỏi như thế sao?

Ăng-rê đặt ra câu hỏi ấy khi hồi tưởng đến cổ hương Ma-gu-đa-ra của mình. Bởi vì ông biết là ở Ma-gu-đa-ra, cũng có nhiều bà lão và thiếu nữ cùng chung cảnh ngộ với đứa bé gái ấy.

Người đàn ông buồn bã lắc đầu:

– Các y sĩ đã hết phép rồi, ông ạ! Cha con chúng tôi phải tìm gặp “người ấy” thôi.

Để có thể chữa trị bệnh khiếm thị mà con gái ông mang theo từ lúc mới chào đời, ông đã bán hết đàn cừu đang nuôi cũng như vườn tược mình có. Nhưng rốt cuộc, y sĩ nào rồi cũng bó tay. Giờ đây, ông không còn cách nào khác hơn là đi gặp cho được “người đó”.

Ăng-rê buột miệng và để lộ cái thiếu kiến thức của mình:

– “Người đó” là ai vậy hở ông bạn?

Nghe câu hỏi của Ăng-rê, người đàn ông có vẻ sửng sốt nên đã nhìn như dán vào mắt ông:

– Ông anh không hay biết gì về những lời thiên hạ rao truyền hay sao chứ?

Khi thấy Ăng-rê lắc đầu, người đàn ông dắt con la mới lên tiếng giải thích là theo nguồn tin từ giáo đoàn của Giăng (Johanes) hiện đang sinh hoạt trong đồng vắng xứ Giu-đê (Judea) thì hiện nay đã có sự xuất hiện của một thầy cả (rabbi) tên là Giê-su (Jesus). Ông này đang đi chung quanh các thị trấn vùng Sa-ma-ria, rao giảng những điều xúc động lòng người, chữa lành kẻ mang bệnh và cứu

vớt những ai gặp cảnh đau khổ. Nghe nói là trong đám quần chúng đến gặp, không thiếu chi những người tôn xưng ông là Đấng Mê-si (Đấng Cứu Thế) rồi bỏ cả quê hương làng nước để đi theo.

Khi nghe câu chuyện đến từ miệng người đàn ông kia, dưới riềm mi của Ăng-rê bỗng hiện ra hình ảnh của ngọn núi trọc màu vàng cháy như lông chồn đang tắm trong tia nắng của mặt trời chiều ở quê nhà.

Thì ra câu chuyện về “người đó” mà ông đã bao lần được nghe trong xứ Ga-li-lê biết đâu chẳng phải là câu chuyện về ông Giê-su này? Nếu quả như vậy thì một ngày nào đó, ông Giê-su sẽ hạ sơn từ đỉnh ngọn núi trọc màu vàng cháy như lông chồn rồi biết đâu ông ấy chẳng tìm đến các thôn xóm ven hồ để chữa cho người què có thể đi đứng lại, các bà mắc

chúng rò rĩ huyết được lành khô và còn vực cả những kẻ bệnh hoạn đang nằm bệt trên giường ngồi dậy.

Sau khi chia tay người đàn ông dất la ở cửa ngõ Bét-shan và để mua ít gia súc, Ăng-rê đã ở lại thị trấn này đôi ngày nhưng trong khoảng thời gian đó, đầu óc ông không ngừng nghĩ về câu chuyện của người tên gọi Giê-su. Dưới ánh sáng mặt trời mùa đông, trong khu chợ buôn bán súc vật chỉ có tiếng be be của cừu và dê núi mà người ta đem đến bán, hòa lẫn vào trong tiếng gọi nhau ới ới của đám con buôn lẫn khách mua hàng. Ăng-rê còn thấy có những kẻ khát thực và khu-yết tạt trà trộn vào đám đông ấy để ăn xin. Ông đã lên tiếng thử hỏi họ xem có nghe nói đến danh tiếng của Giê-su không, nhưng lúc đó, không hiểu vì sao, mọi người lại lắc đầu. Ăng-rê không

khỏi ngạc nhiên nhưng thâm nghĩ có thể là chuyện người ta kể về “ông ấy” vẫn còn chưa lan truyền đến thị trấn này, mà cũng có thể là lời kể của người dốt la – cha cô bé mù kia – chỉ là những điều bịa đặt.

Mùa đông năm ấy, vùng Ga-li-lê lạnh một cách dị thường. Những ngọn gió buốt giá thổi từ rặng núi phía Bắc còn trộn cả mưa đá khiến cho mực nước hồ dâng cao, làm khốn khổ những con thuyền nhỏ muốn đi kiếm cá. Giữa những trận gió lạnh khắc nghiệt đó, đám phụ nữ và con nít suốt ngày cũng vẫn phải loanh quanh luẩn quẩn trên những ngọn đồi vây bọc lấy khu hồ để chăn cừu và mót củi. Chỉ thấy mây xám phủ suốt ngày trên ngọn núi trọc khô lạnh giữa trời đông chứ chẳng có một Đấng Cứu Thế nào giáng hạ từ nơi ấy. Đầu óc Äng-

rê có lúc hồi tưởng lại câu chuyện của người có tên gọi Giê-su nhưng nó không còn lôi cuốn ông như thuở được nghe trong chuyến đi trước kia. Phải chăng đó chỉ là giấc mơ bèo bọt của người bạn đường dẫu la mà Ăng-rê nghĩ rằng vì quá tin tưởng vào giấc mơ ấy, ông ta đã đem nó kể cho mình.

* * *

Thế rồi mùa xuân đã trở về. Những chòm lá khuynh diệp (yuukari, eucalyptus) bắt đầu thướt tha và những đoá hoa thu-mẫu-đơn (anemone) đỏ thắm cũng đã khoe sắc trong luồng gió ấm. Cảnh vật ở Ti- bê-ri-a - giống như một con thú vừa thức dậy sau thời kỳ đông miên - đã trở lại với dáng dấp cổ hữu của nó. Không biết từ đâu đến nhưng người ta

lại thấy xuất hiện đám thương nhân đuổi theo sau đàn cừu cùng với những chiếc xe thổ do lừa ngựa kéo chất đầy lều màn và hành lý của họ. Bọn dân chài như Ăng-rê cũng đến mua lưới và hạt giống do mấy tay đó đem tới bán. Bù lại, họ được các nhà buôn này đãi đằng cơm nước và chia sẻ chỗ tá túc..

– Các bác có từng gặp một nhà tiên tri nào tên là Giê-su không ạ?

Một hôm, Ăng-rê đã vô tình đặt câu hỏi đó cho một đám thương nhân vừa mới chân ướt chân ráo đến cái thị trấn buôn bán xô bồ này. Trong những hòm xiềng làm từ gỗ thông quý hiếm của xứ Li-băng (Lebanon), họ chất đủ thứ vải vóc, tơ lụa vốn là những mặt hàng để bán.

Bọn con buôn phá lên cười:

– Bảo ông ta là nhà tiên tri thì cũng có thể đúng đấy!

Thì ra giữa đường từ thị trấn Il-bit cho đến vùng Ga-li-lê, khi đi ngang cánh đồng dọc theo bờ sông Giô-Đanh (Jordan), họ đã vượt qua mặt một đoàn lũ hành. Thế nhưng đây là đoàn dân chúng đi theo một kẻ tên gọi Giê-su. Các thương nhân thuật lại rằng người trong đoàn của Giê-su đều đi thất thểu vì đường như họ đã mệt nhoài sau lắm chặng đường dài. Phục sức của họ trông nghèo nàn, xơ xác, không thấy đâu là hình ảnh của những nhà tiên tri choàng áo lông thú với thắt lưng làm bằng da thô.

Giọng điệu các con buôn kể tuy có pha một chút cười cợt nhưng không đến nỗi làm cho Ăng-rê đánh mất niềm tin và ông cũng không hề nghĩ mình vừa bị

họ phản bội. Ngược lại, chính vì nghe họ nói rằng Giê-su không có gì giống hình ảnh của một nhà tiên tri, ông càng thấy con người của Giê-su mới có cái gì đáng cho mình tin cậy. Lòng hiếu kỳ đối với “người ấy” mà ông ngỡ đã phôi pha nay như sống lại một lượt cùng với câu chuyện nghe từ ông bạn đường dắt la. Khi Ăng-rê cảm thấy cái mà mình ngỡ chỉ là giấc mơ của ông ta có khi là sự thực thì niềm hy vọng lại bùng lên mãnh liệt trong lồng ngực của ông.

Cuối cùng, vào một buổi chiều xuân nọ, khi những cuộn mây như đám lông cừu mềm mại đang trôi bồng bềnh trên ngọn đồi đằng xa, Ăng-rê (Andrea) đã có dịp gặp con người ấy. Có lẽ vì cuộc hành trình dài làm cho Giê-su mệt mỏi nên má ông trông gầy xẹp và mắt lõm sâu vào. Tuy nhiên, khi đôi mắt sâu thẳm

ấy nhìn về đám người già nua và trẻ con tụ tập bên cạnh mình thì từ bên trong đã thấy ánh lên những tia sáng nhân từ.

Giê-su không có giọng nói và cử chỉ của một vài nhà tiên tri từng đến vùng Ga-li-lê trước đây. Khi ông trò chuyện, lúc nào cũng ngồi bên bờ hồ, nơi mọc kín một loài hoa thu-mẫu-đơn, hay trên một tảng đá trắng¹, nằm giữa đôi cỏ xanh lũ cừu đang gặm nhấm. Lúc đó, bọn con nít đã tìm đến sau lưng và ôm chầm lấy ông, còn ông thì vừa chìa tay nắm lấy những bàn tay nhỏ bé và lem luốc của chúng, vừa tiếp tục câu chuyện đang dang dở.

Cách nói chuyện của Giê-su không giống như lối nói của các thầy cả (rabbi) phái Sa-do-ka-i (Sadducees) hay phái

¹ Hai trong tam đại giáo phái của đạo Do Thái vào thời chúa Giê-su, có huynh hướng bảo thủ, giữ giáo luật của Môi-Se (Moises) một cách nghiêm ngặt, từng luận chiến nhiều lần về giáo lý với Chúa.

Pha-li-sa-i (Pharisaïos), mà cũng chẳng giống như các nhà tiên tri khoác áo lông thú. Các thầy cả và nhà tiên tri vốn luôn trách móc những chỗ yếu kém của con người và thuyết giáo bằng cách đe dọa họ một cách dữ dằn khi đề cập tới những cơn thịnh nộ của thần thánh và cách xử phạt đáng khiếp sợ của các ngài.

Giê-su chưa có lần nào nhắc đến chuyện đó. Ông chỉ cho biết là thần thánh cũng yêu thương loài người không khác chi tình yêu giữa người nam và người nữ. Giê-su dạy rằng thần thánh không nấp trên núi non hiểm trở hay ngoài đồng vắng nhưng ẩn mình trong giọt lệ của những ai đang gặp điều cay đắng cũng như trong nỗi tủi nhục đến giữa đêm hôm của những người đàn bà bị ruồng bỏ. Bọn trẻ con luôn luôn kéo đến chung quanh Giê-su và gây ra tiếng

động ồn ào còn các bệnh nhân và đám phụ nữ thì tuy có cúi mặt để nghe nhưng lại nín thinh như họ chưa dám tin hẳn vào những điều ông đang rao giảng.

Khi buổi nói chuyện chấm dứt, Giê-su đã mượn một chiếc thuyền nhỏ và cũ kỹ của đám dân chài rồi cùng vài môn đồ ra đi về phía bờ đối diện trong ánh nắng chiều sắp tắt. Dưới những tia sáng yếu ớt hắt lại từ mặt nước hồ, hình bóng chiếc thuyền con của mấy thầy trò chẳng mấy chốc đã không còn nhìn thấy dấu vết.

– Ông đó ổng đi đâu vậy nhỉ?

Ăng-rê đặt câu hỏi cho một cụ già, người tự này giờ vẫn nhìn theo bóng dáng con thuyền như muốn đưa tiễn.

Ông lão bỗng nghiêm sắc mặt:

– Đêm nay ông ấy sẽ ngủ trong hang động. Vừa qua đêm vừa an ủi những người phung cùi đang sống ở đấy!

Hai chữ “hang động” là để chỉ Đa-ru-đa-ra, một hẻm núi trong thung lũng nằm ở bờ bên kia. Những người sống bên hồ nhưng bất hạnh vướng vào bệnh phung hủi đã được xử trí cùng một kiểu như những kẻ mắc bệnh dịch gần đây, nghĩa là bị gia đình vứt bỏ và phải vào sống ở trong hẻm núi này.

Hang động ở Đa-ru-đa-ra đều nằm dưới bóng một ngọn núi nham thạch đen đúa, hình thù lại khiếp đảm không khác gì một cái đầu lâu. Trên đó, không một cành cây ngọn cỏ nào có thể mọc lên. Từ lâu, đám người cùi hủi đã sinh sống trong những hang hốc của ngọn núi đó. Mỗi ngày một lần, họ sắp thành hàng, vừa gióng chuông vừa kéo nhau ra

gần bờ hồ, nhặt nhanh đồ ăn thức uống mà người trong thôn đem đặt sẵn ở đó. Vào những buổi chiều mùa thu, bao lần Ăng-rê cũng đã có dịp nghe hồi chuông nào nuốt của đám người cùi ấy vọng lại từ phía cánh đồng trồng trái ngoài xa.

Ăng-rê lại đặt cho ông lão một câu hỏi khác:

– Rồi sau đó... ông ấy có chữa trị cho những người cùi ấy không?

Tuy ông lão chẳng lên tiếng trả lời nhưng giữa lúc đó, Ăng-rê lại hồi tưởng đến câu nói của người bạn đồng hành dắt la mà ông đã gặp trên con đường về hướng Bét-shan. Ăng-rê bèn nghĩ rằng nếu đúng là người tài phép như thế thì biết đâu Giê-su chẳng có thể đem đến niềm vui lành bệnh cho cả những người đang mắc chứng phung hủi.

Ngoại trừ những hôm mưa giăng sương khói che khuất mặt hồ, mỗi ngày Giê-su đều lên chiếc thuyền con để xuất hiện ở phía bên này hồ. Bắt đầu từ những làng chài nằm dưới bóng núi hai xứ Ca-pê-na-um và Bét-sa-i-đa, ông đã vượt các đỉnh cao và đến tận mấy thôn xóm xa xôi như Cô-ra-xin, nơi những người làm nghề chăn cừu sinh sống. Dù vậy, ông không một lần nào ghé Ti-bê-ri-a, thành phố của các phú thương và thầy tế lễ giàu có.

Hình như ông chỉ quan tâm đến những người không đủ miếng ăn hay kém phần may mắn. Mặt khác, bản thân giáo đoàn đi theo Giê-su cũng mang dáng dấp quá đổi thảm thương khiến cho bọn người giàu có kia không khỏi ném về họ một cái nhìn khinh miệt. Những kẻ đến nghe lời giảng của Giê-su lại là đám bình

dân nghèo khổ – nghĩa là lũ dân chài như
Ăng-rê hay những người đàn bà đã kiệt
quê vì công việc lao động.

Trong cánh rừng cây ô-liu nơi ánh
mặt trời lọt qua kẽ lá để chiếu xuống
đám cỏ, đám dân lành đã ngồi bó gối ng-
hiêng tai nghe những lời thuyết giáo của
Giê-su. Ông thường nhắc nhở họ bằng
những lời thơ trích từ sách Thi Thiên
(trong Cựu Ước) mà họ đã nằm lòng
như: “Phước cho những kẻ nghèo khó,
đơn sơ, bởi vì nước Thiên Đàng thuộc về
những kẻ ấy”, “Phước cho những kẻ tính
tình nhân hậu. Vì họ là những người
sẽ có đất sống”. Ngọn gió đang thổi qua
mặt hồ đã làm cho những cánh hoa thu-
mẫu-đơn đang nở trong bụi cỏ lay động
xạc xào. “Phước cho kẻ nào có lòng tử tế,
vì họ sẽ được hưởng nhan Thánh Chúa”.

Cuối cùng, khi đưa mặt lên hứng ánh sáng mặt trời chiếu qua kẽ lá, Giê-su đã xướng lên thêm một câu nói khác mà ngay trong sách Thi Thiên cũng không ai thấy chép: “Phước cho kẻ nào đang khóc. Bởi vì họ sẽ được an ủi”².

Cũng có lần Ăng-rê chứng kiến cảnh Giê-su ngồi trên một sườn đồi khi bóng chiều bắt đầu buông. Ông chỉ ngồi một mình và giữ một khoảng cách nhỏ với đám tùy tùng. Không hiểu vì sao hình ảnh ông ngồi một mình dưới cái bóng âm thầm của tảng đá lớn đang đổ xuống ấy đã làm cho Ăng-rê cảm thông được tâm trạng hết sức cô đơn của ông.

Thế nhưng ngày hôm ấy, khi Giê-su và môn đồ định rời thuyền để lên bờ ở Ma-gu-đa-ra như thường lệ thì Ăng-rê

2 Những câu này một phần có chép lại trong Tàn Ước, sách Phúc Âm (Tin Lành) theo thánh Ma-thi-ơ (Matteo), đoạn 5 (Bài giảng trên núi).

và những bạn chài đang ngồi phơi lưới đã chứng kiến một cảnh tượng mà họ không ngờ tới. Một người đàn ông què quặt không còn giữ nổi sự điềm tĩnh, đã xáp đến cạnh Giê-su, vừa tựa vào cây gậy để nâng người mình lên, vừa than khóc mà như thể kêu gào:

– Thầy xem! Thân hình tôi như thế này đây. Bao nhiêu năm rồi, chân tôi đã teo quắt, không tài nào xê dịch được nữa.

Rồi ông ta đứng lại và khi thấy Giê-su đưa mắt nhìn mình, đã cầu khẩn:

– Xin thầy hãy thương tình mà chữa trị cho!

Chẳng bao lâu sau, khi lời than khóc của ông ta vọng tới chúng, lũ trẻ con đang nghịch sóng bên bờ hồ đã chạy đến gần. Còn những người đàn bà đang cày

xoir trên nường đôi cũng đã quay đầu lại nhìn với vẻ mặt lo lắng.

– Chữa cái chân này... đối với thầy, đâu phải là chuyện khó, phải không nào?

Giê-su giữ im lặng. Rõ ràng là có màu sắc của sự tuyệt vọng lộ ra trên khuôn mặt hốc hác với hố mắt lõm sâu kia và điều này, ngay một người như Ăng-rê cũng có thể hiểu được. Thế nhưng Ăng-rê vẫn chờ đợi Giê-su chìa bàn tay ra cho người đàn ông ấy. Biết đâu ... khi bàn tay ông ta chạm vào chân com bệnh thì cái chân teo quắt kia sẽ duỗi ra được cũng không chừng!

– Chữa giúp tôi đi thầy!

Người đàn ông lập lại lời khẩn cầu thêm lần nữa.

– Thầy vẫn thường nói Đức Chúa Trời là Đấng hay thương xót kia mà!

Có những tia sáng chiếu xuống từ vầng mặt trời trên hồ và trong vùng tia sáng ấy, hình ảnh của Giê-su đã hiện ra đơn độc, tối đen, đau khổ và bất động. Thế rồi, cuối cùng Giê-su lắc đầu nhẹ.

Người đàn ông què quặt ấy tỏ ra tuyệt vọng, ngược mặt lên và chăm chú nhìn vào Giê-su rồi lại òa khóc. Cây gậy trượt ra khỏi bàn tay ông và giống như một người hoàn toàn mất hết khí lực, ông ta đổ nhào lên mặt đất.

– Ôi, bao nhiêu năm trời, đã bao nhiêu năm rồi...

Tiếng khóc của người đàn ông trở nên uất nghẹn:

– ... Tôi đã bao lần được nghe kể là sẽ có một người đi xuống từ ngọn núi kia để chữa lành cái chân này cho tôi ... và tôi đã tin tưởng chính thầy là con người đó...

Những tiếng nấc hụt hẫng của người đàn ông giống như những nhát dao đâm vào con tim của Ăng-rê.

Những điều người ấy trải lòng cũng là tâm sự mà bản thân Ăng-rê đang muốn bày tỏ, nếu không nói nó cũng là những gì mà đám đàn bà xấu số đang đứng trên nường đôi kia vẫn đau đáu trong lòng.

– Thế là ngài không có đủ quyền năng, tài sức để làm chuyện đó à?

Giê-su nhặt cây gậy lên rồi đưa tay nâng lấy thân hình người đàn ông teo cơ bắp vốn đã ngã lăn trên mặt đất từ nãy

đến giờ. Thế rồi cùng với tiếng thở dài, Giê-su đã thốt ra một câu trả lời cho cả Ăng-rê cũng như những người phụ nữ giờ đây đang dán mắt vào ông:

– Những điều ta có thể làm là... chịu chung nỗi đau khổ cùng các người... Đối với những đau khổ các người đang gánh đó, ta muốn...

Phần cuối của câu nói ấy đã tan loãng vào trong tiếng thổn thức của người đàn ông què quặt. Sau khi Giê-su và đoàn tùy tùng lên đường, Ăng-rê và các bạn chài của ông, với chiếc lưới đánh cá trên tay, vẫn còn đứng đó trong câm lặng. Đám đàn bà trên nường cũng thế. Họ cúi mặt như thể đã mất hết niềm hy vọng và nhanh tay cuộc để trở lại với công việc.

Riêng Ăng-rê cảm thấy cái trống vắng của người vừa thức dậy sau một cơn

mộng huyền. Thế nhưng ông vẫn còn nuôi một hy vọng mong manh về quyền năng của Giê-su. Biết đâu con người đó chẳng đã nghĩ về một điều gì khác khi từ chối chữa cho gã đàn ông què quặt. Hay là ông không muốn làm giống như các nhà tiên tri khác và ghét cái chuyện khoe khoang sức thần thông trước mặt mọi người? Để rồi xem, một ngày nào đây, con người ấy sẽ từ trên ngọn núi cao màu lông chồn vàng cháy hạ sơn xuống vùng hồ Ga-li-lê để ra tay cứu vớt những kẻ bất hạnh?... Đó là những ý nghĩ vẫn chưa chịu tan biến khỏi lòng Ăng-rê.

Vì lý do đó mà từ ngày hôm sau, giữa khi dân chúng đưa cặp mắt thất vọng nhìn Giê-su khi ông và đoàn người tùy tùng đi từ làng này qua làng khác thì Ăng-rê vẫn bám theo dấu chân của đoàn. Dù vậy ở mọi thôn làng Giê-su đi ngang,

Ăng-rê không thấy ông làm phép lạ nào cả. Ông có thức canh trợn một đêm bên đầu giường của một cụ ông đang hấp hối, ông có ngồi lặng người bên cạnh một bà mẹ vừa mất đứa con, và trong ánh hoàng hôn, ông từng nắm lấy bàn tay của một bà lão mù lòa... thế nhưng, ông không làm điều gì để chữa lành cho họ.

Có lần, Ăng-rê muốn mình có được một thái độ minh bạch nên đã âm thầm không báo ai nghe mà chèo một con thuyền qua bên bờ đối diện. Ông muốn tìm hiểu là mỗi đêm, Giê-su và các tùy tùng của ông khi sống chung với đám người cùi, đã làm được gì cho họ? Tuy vậy, khi nghe tiếng gió gào qua vùng thung lũng hang động Đa-gu-da-ra bên dưới ngọn núi trọc hình thù giống cái đầu lâu, nơi không một cành cây ngọn cỏ nào sống nổi, cũng như nghe tiếng

chuông của lũ người phung hủi lạnh
lãnh ngân lên theo những luồng gió ấy,
Ăng-rê đã lặng lẽ quay mũi thuyền về lại
bến Ma-gu-đa-ra.

Sau đó, ngay với vợ mình, Ăng-rê
cũng không hề hở môi về “người ấy” nữa.
Nói chung thì kể từ khoảng cuối mùa
xuân, khắp vùng hồ, trong thiên hạ đã
có kẻ còn dám phê phán Giê-su là một
người “chẳng được việc gì sất”. Câu nói
“chẳng được việc gì sất” đã bao hàm tất
cả nỗi thất vọng của những người trông
chờ phép lạ nhưng không toại nguyện.

* * *

Mùa hạ đến rồi. Tuy bệnh dịch không
thấy lan tới những những ngày nắng nôi
và ẩm thấp vẫn kéo dài liên tục. Không

biết có phải vì bị trúng nắng hay không mà đứa bé con của Ăng-rê bắt đầu lên cơn sốt và ói mửa. Hai vợ chồng ông đã thay phiên nhau chăm sóc cho con. Thế mà mấy hôm sau, bệnh tình của đứa trẻ vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm. Trên hai bàn tay và đôi chân của bé còn xuất hiện nhiều chấm nhỏ màu đỏ nhạt. Một ông thầy thuốc lúc nào cũng giữ một vẻ mặt nghiêm trọng, đã được mời từ Ti-bê-ri-a đến. Sau khi theo dõi căn bệnh của đứa trẻ trong ít lâu, ông ta đã lắc đầu:

– Tốt hơn là đưa cháu đến Na-za-rét (Nazareth). Ở đó có một dược sĩ gốc người Hy Lạp. Biết đâu ông ta có loại thuốc trị được bệnh này!

Ăng-rê bèn đặt rương hòm trên lưng lừa và ngay ngày đó, nhắm hướng Na-za-rét trực chỉ. Ông vượt qua đỉnh núi màu vàng lông chồn, và khác với con

đường sử dụng trước kia, ông rời lưu vực sông Giô-đanh rồi băng ngang một số thôn làng, đó cũng là con đường ông đã có lần đi qua. Xưa kia ông chưa từng coi con đường này xa là bao nhưng bây giờ, Ăng-rê cảm thấy nó còn xa hơn cả đường dẫn đến kinh đô El Salem.

Thị trấn Na-za-rét có đủ loại lũ khách tụ tập. Ánh mặt trời chiều đang chiếu lên mái của Đền Thần và trên một con đường hẹp, ông thấy có những anh chàng Ả Rập tay dắt lạc đà và những ông da đen người bóng nhảy mồi hôi với cái màu đen của loại thép đã lên nước. Mấy người lính La-mã vũ trang kín người giống như những con giáp trùng đang xếp thành hàng đi xuyên qua họ.

Chẳng bao lâu, sau khi dò hỏi, Ăng-rê đã có trong tay những viên thuốc đắt đỏ của ông dược sĩ nọ và lên đường quay

về Ga-li-lê ngay. Thế nhưng lúc đó thì gia đình thân thuộc đã tụ tập ở nhà ông chung quanh đứa bé trong khi nó nằm kiệt quệ trong vòng tay của vợ ông, người giờ đây không còn giọt nước mắt nào để khóc con.

– Tội nghiệp quá đi thôi!

Ông thầy thuốc với gương mặt của người đã làm hết sức mình thì thảo như thế khi chứng kiến cảnh đứa bé không thể tiếp nhận nổi những viên thuốc quý mà cha nó vừa cất công mang về.

– Số của cháu không tới hai hôm nữa đâu.

Sau khi ông thầy thuốc bước ra, bà vợ Ăng-rê và những người nữ bắt đầu gào khóc. Ánh nắng chiều lọt vào bên trong khiến ngôi nhà hầm hập hơi người.

Tiếng thở của đứa bé càng lúc càng dồn dập. Đôi khi nó trợn đôi mắt trắng dã lên nhìn. Bên ngoài, nước hồ vẫn vỗ vào ghềnh đá với những âm thanh trầm uất.

Ăng-rê bèn lảng lạng lấy một chiếc thuyền con rời bến ra đi. Đối với ông, lúc này, ngoài phép lạ của Giê-su, không còn có thể trông mong vào ai khác. (Biết đâu ông ấy chẳng cứu được bé con nhà mình...), vừa quấy mái chèo, Ăng-rê vừa nhủ với lòng. (Nếu được như thế, mình sẽ dám vứt bỏ tất cả để xin theo ông làm đệ tử...).

Khi Ăng-rê đến bờ bên kia, ánh hoàng hôn đã nhuộm đỏ như máu lên trên hòn núi trọc ở Đa-ru-da-ra và suốt cả một vùng thung lũng. Những tiếng hô to gọi tên Giê-su của ông liên tiếp dội lại từ các bức vách hang động, vang rền trong một bầu không khí tĩnh mịch

đến sâu lắng. Được một lúc sau thì từ cái tĩnh mịch ấy, ông nghe bắt đầu có những tiếng chuông nho nhỏ vọng lại từ nhiều địa điểm nằm dưới bóng núi. Đó là dấu hiệu cảnh cáo của bọn người phung hủ như muốn khuyên là nếu có ai đó, xin chớ đến gần những hang động này.

Thế rồi sau cùng cũng đã có ba cái bóng có vẻ hơi do dự xuất hiện từ phía ngọn núi trọc đang phản chiếu ánh nắng của mặt trời chiều đến từ phía Tây. Đó là Giê-su đi cùng hai môn đồ của ông. Sau khi nhận ra Ăng-rê, họ bèn dừng chân tại chỗ và có ý dò hỏi.

Bất chợt, Ăng-rê nói lên thật to:

– Thầy (rabbi) ơi! Xin thầy hãy đến với chúng tôi! Cháu bé nhà tôi đang hấp hối đó thầy!



Lúc đầu ba người có vẻ chần chờ nhưng sau khi nghe tiếng kêu quá thảm thiết của Ăng-rê thêm một lần thứ hai, chỉ có mỗi Giê-su là bắt đầu bước những bước liêu xiêu để tìm cách xuống sườn dốc.

– Thầy đi thật đấy à?

Có tiếng một đệ tử gọi với sau lưng ông.

– Đừng đi thầy ơi. Người đàn ông kia là kẻ không hiểu những lời thầy đã dạy

cho đâu! Ông ta chẳng khác gì những kẻ đến nay chúng ta đã gặp khi đi qua các thôn làng. Họ chỉ mong thấy phép lạ chứ không muốn chi khác. Chẳng bao lâu nữa, ông này cũng đâm ra ghét bỏ thầy cho coi!

Như để trả lời, Giê-su đã quay đầu về phía hai môn đồ:

– Tuy nhiên, người này... ông ta là một kẻ đang đau khổ!

Giê-su theo sau Ăng-rê rồi cùng nhau lên thuyền. Mặt hồ êm ả vì sóng đang lặng nhưng khác với bờ bên này nơi được mặt trời soi đến, bờ đối diện đang bị sương mù che phủ. Trong làn sương ấy thấy thấp thoáng hình bóng những thôn làng. Giê-su có vẻ trầm ngâm khi chăm chú nhìn những hình ảnh đó, như thể ông đang lắng nghe tiếng kêu than

đủ loại về nỗi khổ của kiếp người vọng ra từ đó đến tai mình.

– Người chờ gì ở ta?

Khi thuyền đi ra tới nửa hồ, Giê-su bỗng ngược khuôn mặt trầm ngâm lên và đặt câu hỏi:

– Có phải người chờ ta làm phép lạ chẳng?

– Tôi xin thầy chữa trị cho cháu.

– Ta không biết cách làm phép lạ. Cái điều ta có thể làm là...

– Tôi chỉ xin thầy chữa trị cho con tôi thôi.

Khi thấy trong hố mắt sâu của Giê-su lộ ra một nỗi buồn rười rượi, như thể muốn đáp trả thái độ đó, Ăng-rê đã quấy mạnh mái chèo. Thế nhưng dù cây dầm

có phát ra những tiếng kêu ken két, bên mạn chiếc thuyền chỉ có những con sóng nhỏ vỗ hoài một nhịp điệu rì rầm.

Đến bờ thì hai người thấy vài ba anh bạn chài đã đứng đợi từ lâu. Khi họ vào căn buồng nóng hầm hập trong nhà, mấy người đàn bà đang ngồi quanh đứa bé vừa thấy bóng Giê-su đã rút lui thật nhanh ra tận mé tường.

– Xin thầy chữa cho cháu!

Khi Ăng-rê nhìn xuống, ông thấy hơi thở của đứa bé vẫn dồn dập như trước và đôi lúc cặp mắt lạc thần của nó hãy còn cố nhướng lên. Đây là lần đầu tiên, giọt nước mắt của người cha chột trào ra và ông đã hối thúc Giê-su:

– Con tôi nó chưa hề làm gì nên tội...
Tại sao nó lại phải chịu cảnh khổ như thế

này, hờ thầy? ... Vì đâu thần thánh... các ngài lại muốn đoạt nó khỏi tay chúng tôi?

– Chúa biết tất cả điều đó!

Đôi mắt của Giê-su cũng rưng rưng khi thì thầm câu nói.

– Cháu nó trong trắng, vô tội như thế nào... nhà người đang đau khổ như thế nào... Ngài đều biết cả!

Giê-su ngồi bên cạnh đứa bé, một tay ông vuốt ve vầng trán đầm mồ hôi của nó, còn tay kia ông nắm chặt lấy bàn tay của Ăng-rê. Và Ăng-rê lúc đó cũng chỉ biết mỗi một điều là Giê-su đang cùng khóc với mình. Mấy người đàn bà không dám húng hắng họ một tiếng và những cặp mắt của họ đều dán vào quang cảnh đang xảy ra trước mặt. Trong căn buồng

đã bắt đầu tối, âm thanh duy nhất còn nghe được là tiếng thở của đứa bé. Thế rồi cuối cùng mặt trời đã khuất bóng và tiếng thở kia cũng dần dần nhỏ lại. Đứa bé như vừa được cơn sốt giải phóng. Một sự im lặng vây quanh chỗ nó nằm. Đám người nữ dường như nín thở, chăm chú nhìn động tĩnh của đứa bé vì họ biết rằng một giây phút nữa thôi, sẽ có điều gì đó sắp xảy ra.

– Sao thế hở con?

Ăng-rê đưa năm ngón của bàn tay đập mạnh xuống đầu gối mình vừa la lớn:

– Chết hả con? Ôi, con tôi chết mất rồi!

Có những tiếng khóc thút thít dậy lên ở nhiều nơi trong gian phòng.

Giê-su cũng đưa hai bàn tay lên che lấy mặt. Từ kẽ hở của những ngón tay ông, những giọt lệ nóng đang trào ra. Giê-su cũng khóc như họ.

– Đó là ý Chúa... Đức Chúa Trời ... Ngài đã muốn như vậy.

– Nhưng người đã chẳng làm được cái gì! Người đúng là kẻ vô dụng!

Ăng-rê xia ngón tay về phía Giê-su và hét lên, sau đó, ông ta ngồi đánh thịch xuống chiếc ghế làm nó như muốn đổ sập.

Đêm đến, những người nữ thức canh lần lượt ra về, còn vợ chồng Ăng-rê vẫn lặng lẽ ngồi bên xác chết đứa con như hai kẻ mất hồn. Sau đó, đám đàn bà đã đi thu thập hoa có họ kiếm được ở ven hồ về trang điểm quanh đầu năm của đứa

trẻ, còn nó thì mắt vẫn nhắm, hai bàn tay nhỏ nhắn nắm chặt giống như cảnh mỗi ngày khi nó đến giờ đi ngủ. Tuy chỉ vì cay cú khi thấy đòi hỏi quá trớn của mình không đạt được mà Ăng-rê đi đến chỗ buông lời trách cứ Giê-su là kẻ vô dụng, nhưng đúng như lời người môn đồ của ông đã tiên đoán, Ăng-rê đã trở thành một kẻ ghét bỏ và miệt thị Giê-su.

Giữa một đêm hè, Ăng-rê bỏ lại người vợ trong phòng, một mình bước ra ngoài. Trên hồ có tiếng sóng tấp nhe vào bờ như tiếng một con chó đang liếm nước. Bỗng ông thấy có một bóng đen mệt mỏi tựa như người kiệt sức đang đứng tựa vách nhà mình. Đó chính là Giê-su, cái người mà ông bảo là chẳng làm được việc gì.

Về Giê-su – con người chẳng làm được việc gì đó – thì kể từ đầu mùa thu, đã bị hết người này đến người khác xua đuổi khỏi vùng hồ Ga-li-lê. Vào những ngày có những cơn mưa bụi như màn sương vây phủ, ông và đám đệ tử mình mấy ướn sùng, đã phải hứng chịu bao nhiêu khổ sở đến từ cái đám đông mà chỉ mới có năm tháng trước đây còn nghênh đón một cách trọng thể. Quanh hồ, bất cứ nơi đâu, đều có thể thấy cảnh tượng người ta buông lời sỉ vả và ném đá họ.

Ăng-rê cũng nhập bọn với đám người đó để lượm mấy hòn đá, ném về phía Giê-su và đoàn tùy tùng.

Có lần hòn đá ông ta ném trúng ngay chỗ lõm trên gò má Giê-su khiến cho một dòng máu đã rịn từ nơi đó xuống.

– Đồ vô tích sự!

Ăng-rê bắt chước mọi người, cùng với họ, ông buông ra một lời thóa mạ:

– Đúng là một kẻ vô dụng.

Tuy vậy, Giê-su chỉ đưa đôi mắt lõm sâu để gửi đến tất cả bọn họ một cái nhìn chăm chú và hiền hậu.

Chỉ có một môn đồ của ông, có lẽ vì không thể nào nhẫn nhịn nữa, đã giang tay ra đáp trả:

– Thử hỏi người này đã làm gì các ông đâu nào?

– Chẳng làm gì chúng ta cả!

Có ai trong bọn lại lên tiếng:

– Nhưng cũng chẳng được tích sự gì!

– Thế nhưng người này muốn yêu

thương các ông, muốn cùng các ông chịu đựng những nỗi khổ đau thôi.

Đứng ướt sũng giữa cơn mưa, người môn đồ kia vẫn tìm cách biện hộ cho thầy. Thế rồi cả bọn đã tìm cách tránh né gạch đá đang ném về phía họ và bỏ đi về hướng Bắc.

Vào tháng 5 năm sau, Ăng-rê còn nghe lời đồn đại là cái “con người vô tích sự” ấy bị cả những môn đồ cuối cùng chối bỏ, một mình phải tự vác thập tự giá trên vai và chết ở El Salem.

Nhìn lên ngọn núi màu vàng cháy như lông chồn dưới ánh chiều tà, Ăng-rê hồi tưởng lại đôi mắt lõm sâu như chứa đầy cay đắng, gương mặt mệt mỏi đến kiệt quệ nơi một hòn đá mình ném trúng phải, và từ chỗ đó, máu đã chảy

thành dòng. Giữa khi ấy, không hiểu vì sao Ắng-rê lại cảm thấy có một nỗi đau đón ê chề không sao diễn tả đang chạy xuyên qua đáy của lòng mình.

Dịch ngày 29/12/2023

Văn bản và thư mục tham khảo

1. Endo Shusaku, *Kiseki wo matsu otoko* (Người chờ phép lạ), trong tuyển tập *Shikai no hotori* (Bên bờ Biển Chết, 1973), tủ sách bỏ túi Shinchô Bunko, Nxb Shinchô, tái bản lần thứ 30, Tokyo, 2021, từ trang 38 đến 59. Nguyên tác Nhật ngữ.

2. Tổng Hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) thực hiện, *Kinh*

Thánh Tân Ước, Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, 2003.

3. Bên lề tác phẩm:

Truyện “Người chờ phép lạ” (Kiseki wo matsu otoko) trên đây là một bộ phận của trường thiên “Bên bờ Biển Chết” (Shikai no hotori) ra đời năm Showa 48 (1973) mà “Bên bờ Biển Chết” lại là tác phẩm mà nhà bình luận Inoue Yôji đánh giá như tác phẩm thứ hai có tầm quan trọng của Trầm Mặc (Chimmoku) vốn đã ra đời 7 năm trước đó. Theo ông thì “Bên bờ Biển Chết” đã phát hiện ra một khía cạnh độc đáo của Ki-Tô Giáo, đó là hình ảnh “tôn giáo của lòng mẹ”.

Nếu có loại hình “tôn giáo với nguyên lý phụ tính” vốn nghiêm khắc mà giáo lý tập trung vào việc trừng phạt những kẻ đi sai đường lạc lối, còn có loại hình “tôn

giáo với nguyên lý mẫu tính” vốn dựa trên sự tha thứ và khoan dung. Nguyên lý phụ tính phân biệt người thiện kẻ ác, người ưu tú kẻ vô dụng nhưng nguyên lý mẫu tính thì không thể, những người vâng phục hay kẻ bất tuân đều được mẹ ôm trong vòng tay và đặt trên đầu gối một cách bình đẳng như nhau. Bởi vì đối với một người mẹ, không có sự phân biệt giữa những đứa con ngoan ngoãn hay lầm lạc.

Đỉnh cao trong “Trầm Mặc” là đoạn văn tả Đức cha Rodriguez chực dẫm chân lên hình tượng thánh giá. Bình thường thì đó là một hành động bội đạo không thể nào tha thứ. Thế nhưng lúc sắp làm cử chỉ ấy, cha Rodriguez đã nghe một tiếng nói từ đâu vọng đến:

– Không sao đâu. Con cứ việc dẫm lên đi. Ta đã hiểu nỗi đau của các con

khi các con đưa bàn chân dẫm lên mặt ta. Vì để hiểu nỗi đau khổ và sự yếu đuối ấy mà ta đã sinh ra trong cõi đời này và chịu vác lên vai cây thập tự giá.

Câu nói đó đã thể hiện sự dịu dàng và bao dung chỉ có thể đến từ tấm lòng một người mẹ hiền. Điều này đã được Endo Shusaku xác nhận một lần nữa trong bài văn nghị luận nhan đề “Tôn giáo của cha, tôn giáo của mẹ” (Chichi no shukyo, haha no shukyo) công bố vào năm 1967, một năm sau khi cuốn “Trầm Mặc” ra đời (1966).

Do đó, trong “Người chờ phép lạ”, hình ảnh của Giê-su không phải là kẻ cứu hộ, chữa lành... nhưng là người bạn đồng hành thân thiết (dôhansha), biết chia sẻ nỗi khổ đau và bất hạnh của thế nhân.

